PHỤ LỤC

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÀ SOÁT CHÍNH SÁCH MIỄN, GIẢM PHÍ, LỆ PHÍ KHI SỬ DỤNG DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN

(Kèm theo Thông báo số 5911/TB-STC ngày 13 tháng 11 năm 2026 của Sở Tài chính)

STT	Tên loại phí, lệ phí	Mức thu thông thường (Theo văn bản hiện hành)	Thủ tục hành chính áp dụng mức thu phí, lệ phí	Mức thu áp dụng ưu đãi	Đối tượng, điều kiện để được miễn, giảm phí, lệ phí	Cơ quan giải quyết
I	**Lĩnh vực Nông nghiệp**					
1	Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất đồng thời với nhận thừa kế, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân khi hết thời hạn sử dụng đất) - đất tại phường	180.000	1.012786	0 đồng	Mọi tổ chức, cá nhân yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính thông qua hình thức dịch vụ công trực tuyến tại tỉnh Quảng Ngãi	- Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh. - Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Khu vực, đặc khu.
2	Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất đồng thời với nhận thừa kế, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân khi hết thời hạn sử dụng đất) – đất tại xã và đặc khu	130.000	1.012786	0 đồng	Mọi tổ chức, cá nhân yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính thông qua hình thức dịch vụ công trực tuyến tại tỉnh Quảng Ngãi	- Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh. - Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Khu vực, đặc khu.
3	Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất đồng thời với xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân khi hết thời hạn sử dụng đất) - đất tại phường	130.000	1.012786	0 đồng	Mọi tổ chức, cá nhân yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính thông qua hình thức dịch vụ công trực tuyến tại tỉnh Quảng Ngãi	- Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh. - Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Khu vực, đặc khu.

STT	Tên loại phí, lệ phí	Mức thu thông thường (Theo văn bản hiện hành)	Thủ tục hành chính áp dụng mức thu phí, lệ phí	Mức thu áp dụng ưu đãi	Đối tượng, điều kiện để được miễn, giảm phí, lệ phí	Cơ quan giải quyết
4	Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất đồng thời với xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân khi hết thời hạn sử dụng đất) – đất tại xã và đặc khu	100.000	1.012786	0 đồng	Mọi tổ chức, cá nhân yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính thông qua hình thức dịch vụ công trực tuyến tại tỉnh Quảng Ngãi	- Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh. - Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Khu vực, đặc khu.
5	Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thay đổi số hiệu hoặc địa chỉ của thửa đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên) - đất tại phường	130.000	1.012783	0 đồng	Mọi tổ chức, cá nhân yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính thông qua hình thức dịch vụ công trực tuyến tại tỉnh Quảng Ngãi	- Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh. - Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Khu vực, đặc khu.
6	Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thay đổi số hiệu hoặc địa chỉ của thửa đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên) - đất tại xã và đặc khu	100.000	1.012783	0 đồng	Mọi tổ chức, cá nhân yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính thông qua hình thức dịch vụ công trực tuyến tại tỉnh Quảng Ngãi	- Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh. - Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Khu vực, đặc khu.
7	Phí đăng ký biện pháp bảo đảm	80.000	1.011441	40.000 đồng	Mọi tổ chức, cá nhân yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính thông qua hình thức dịch vụ công trực tuyến tại tỉnh Quảng Ngãi	- Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh. - Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Khu vực, đặc khu.

STT	Tên loại phí, lệ phí	Mức thu thông thường (Theo văn bản hiện hành)	Thủ tục hành chính áp dụng mức thu phí, lệ phí	Mức thu áp dụng ưu đãi	Đối tượng, điều kiện để được miễn, giảm phí, lệ phí	Cơ quan giải quyết
8	Phí đăng ký biện pháp bảo đảm (Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm)	60.000	1.011442	30.000 đồng	Mọi tổ chức, cá nhân yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính thông qua hình thức dịch vụ công trực tuyến tại tỉnh Quảng Ngãi	- Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh. - Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Khu vực, đặc khu.
9	Phí đăng ký biện pháp bảo đảm (Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm)	20.000	1.011443	10.000 đồng	Mọi tổ chức, cá nhân yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính thông qua hình thức dịch vụ công trực tuyến tại tỉnh Quảng Ngãi	- Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh. - Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Khu vực, đặc khu.
10	Phí đăng ký biện pháp bảo đảm (Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi thông báo xử lý tài sản bảo đảm)	30.000	1.011444	15.000 đồng	Mọi tổ chức, cá nhân yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính thông qua hình thức dịch vụ công trực tuyến tại tỉnh Quảng Ngãi	- Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh. - Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Khu vực, đặc khu.
11	Phí đăng ký biện pháp bảo đảm (Cấp bản sao văn bản chứng nhận nội dung đăng ký biện pháp bảo đảm)	25.000		12.500 đồng	Mọi tổ chức, cá nhân yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính thông qua hình thức dịch vụ công trực tuyến tại tỉnh Quảng Ngãi	- Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh. - Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Khu vực, đặc khu.
II	**Lĩnh vực Nội vụ**					
1	Cấp giấy phép lao động đối với lao động nước ngoài		600.000đ/giấy phép	0 đồng	Nộp hồ sơ trực tuyến	Sở Nội vụ

STT	Tên loại phí, lệ phí	Mức thu thông thường (Theo văn bản hiện hành)	Thủ tục hành chính áp dụng mức thu phí, lệ phí	Mức thu áp dụng ưu đãi	Đối tượng, điều kiện để được miễn, giảm phí, lệ phí	Cơ quan giải quyết
2	Gia hạn giấy phép lao động đối với lao động nước ngoài		450.000đ/giấy phép	0 đồng	Nộp hồ sơ trực tuyến	Sở Nội vụ
3	Cấp lại giấy phép lao động đối với lao động nước ngoài		450.000/giấy phép	0 đồng	Nộp hồ sơ trực tuyến	Sở Nội vụ
III	**Lĩnh vực Tư pháp**					
1	Phí khai thác thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch (Thông tư 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính)	8.000 đồng/bản sao trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký	Cấp Bản sao trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh (2.000635)	0 đồng	Công dân sử dụng tài khoản định danh điện tử, hoàn thành việc tích hợp thành công 05 loại thông tin, giấy tờ cơ bản quy định tại Phụ lục I của Nghị quyết. Thực hiện nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến	Sở Tư pháp; UBND cấp xã (cơ quan quản lý dữ liệu hộ tịch)
2	Lệ phí hộ tịch (Thông tư số 106/2021/TT-BTC sửa đổi Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính)	Theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định đối với các khoản lệ phí sau: (1) Đăng ký lại khai sinh:	- Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân (1.004772) - Thủ tục đăng ký lại kết hôn (1.004746) - Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (1.004873)	0 đồng	Công dân có tài khoản định danh điện tử mức độ 2. Thực hiện nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến. - Đối với thủ tục đăng ký khai sinh: tích hợp thành công 05 loại thông tin, giấy tờ cơ bản quy định tại Phụ lục I của Nghị quyết. - Đối với thủ tục đăng	UBND cấp xã

STT	Tên loại phí, lệ phí	Mức thu thông thường (Theo văn bản hiện hành)	Thủ tục hành chính áp dụng mức thu phí, lệ phí	Mức thu áp dụng ưu đãi	Đối tượng, điều kiện để được miễn, giảm phí, lệ phí	Cơ quan giải quyết
		(2) Đăng ký lại kết hôn: (3) Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân:			ký kết hôn và cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân: đã tích hợp thành công trên ứng dụng VNeID thông tin Giấy đăng ký kết hôn và loại thông tin, giấy tờ cơ bản quy định tại Phụ lục I của Nghị quyết.	
3	Lệ phí hộ tịch	8.000 đồng	- Đăng ký khai sinh không đúng hạn (1.001193) - Đăng ký lại khai sinh (1.004884)	0 đồng	Đăng ký trực tuyến	UBND cấp xã
4	Lệ phí hộ tịch	8.000 đồng	- Đăng ký khai tử không đúng hạn (1.000656) - Đăng ký lại khai tử (1.005461)	0 đồng	Đăng ký trực tuyến	UBND cấp xã
5	Lệ phí hộ tịch	15.000 đồng	Đăng ký nhận cha, mẹ, con (1.001022)	0 đồng	Đăng ký trực tuyến	UBND cấp xã
6	Lệ phí hộ tịch	15.000 đồng	Thay đổi, cải chính hộ tịch, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc (1.004859)	0 đồng	Đăng ký trực tuyến	UBND cấp xã

STT	Tên loại phí, lệ phí	Mức thu thông thường (Theo văn bản hiện hành)	Thủ tục hành chính áp dụng mức thu phí, lệ phí	Mức thu áp dụng ưu đãi	Đối tượng, điều kiện để được miễn, giảm phí, lệ phí	Cơ quan giải quyết
7	Lệ phí hộ tịch	8.000 đồng	Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác, đăng ký hộ tịch khác (2.000547)	0 đồng	Đăng ký trực tuyến	UBND cấp xã
8	Lệ phí hộ tịch	75.000 đồng	- Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài (2.000528) - Đang ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài: (2.000522) - Đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân có yếu tố nước ngoài (1.000893)	0 đồng	Đăng ký trực tuyến	UBND cấp xã
9	Lệ phí hộ tịch	75.000 đồng	- Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài (1.001766) - Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài (2.000497)	0 đồng	Đăng ký trực tuyến	UBND cấp xã

STT	Tên loại phí, lệ phí	Mức thu thông thường (Theo văn bản hiện hành)	Thủ tục hành chính áp dụng mức thu phí, lệ phí	Mức thu áp dụng ưu đãi	Đối tượng, điều kiện để được miễn, giảm phí, lệ phí	Cơ quan giải quyết
10	Lệ phí hộ tịch	1.500.000 đồng	- Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài (2.000806) - Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài (2.000513)	0 đồng	Đăng ký trực tuyến	UBND cấp xã
11	Lệ phí hộ tịch	75.000 đồng	- Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài (1.001669) - Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài (2.000756)	0 đồng	Đăng ký trực tuyến	UBND cấp xã
12	Lệ phí hộ tịch	1.500.000 đồng	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài (2.000779)	0 đồng	Đăng ký trực tuyến	UBND cấp xã
13	Lệ phí hộ tịch	28.000 đồng	Thay đổi, cải chính hộ tịch, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài (2.000748)	0 đồng	Đăng ký trực tuyến	UBND cấp xã

STT	Tên loại phí, lệ phí	Mức thu thông thường (Theo văn bản hiện hành)	Thủ tục hành chính áp dụng mức thu phí, lệ phí	Mức thu áp dụng ưu đãi	Đối tượng, điều kiện để được miễn, giảm phí, lệ phí	Cơ quan giải quyết
14	Lệ phí hộ tịch	75.000 đồng	Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, đăng ký hộ tịch khác (2.000702)	0 đồng	Đăng ký trực tuyến	UBND cấp xã
15	Lệ phí hộ tịch	8.000 đồng	- Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới (1.000110) - Đăng ký lại khai sinh cho trẻ sinh ra tại Việt Nam có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam thường trú tại địa bàn xã ở khu vực biên giới còn mẹ hoặc cha là công dân nước láng giềng thường trú tại đơn vị hành chính tương đương cấp xã	0 đồng	Đăng ký trực tuyến	UBND cấp xã

STT	Tên loại phí, lệ phí	Mức thu thông thường (Theo văn bản hiện hành)	Thủ tục hành chính áp dụng mức thu phí, lệ phí	Mức thu áp dụng ưu đãi	Đối tượng, điều kiện để được miễn, giảm phí, lệ phí	Cơ quan giải quyết
			của Việt Nam tiếp giáp với xã ở khu vực biên giới của Việt Nam nơi công dân Việt Nam thường trú			
16	Lệ phí hộ tịch	30.000 đồng	- Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới (1.000094) - Đăng ký lại kết hôn giữa công dân Việt Nam thường trú tại địa bàn xã ở khu vực biêngiới với công dân của nước láng giềng thường trú tại đơn vị hành chính tương đương cấp xã của Việt Nam tiếp giáp với xã ở khu vực biên giới của Việt Nam nơi công dân Việt Nam	0 đồng	Đăng ký trực tuyến	UBND cấp xã

STT	Tên loại phí, lệ phí	Mức thu thông thường (Theo văn bản hiện hành)	Thủ tục hành chính áp dụng mức thu phí, lệ phí	Mức thu áp dụng ưu đãi	Đối tượng, điều kiện để được miễn, giảm phí, lệ phí	Cơ quan giải quyết
			thường trú			
17	Lệ phí hộ tịch	15.000 đồng	Đăng ký việc nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới (1.00080)	0 đồng	Đăng ký trực tuyến	UBND cấp xã
18	Lệ phí hộ tịch	8.000 đồng	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới (1.004827) Đăng ký lại khai tử cho người chết là người nước ngoài cư trú tại xã ở khu vực biên giới	0 đồng	Đăng ký trực tuyến	UBND cấp xã
19	Phí đăng ký giao dịch bảo đảm	80.000 đồng/hồ sơ	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (1.011441)	0 đồng	Đăng ký trực tuyến	
20	Phí đăng ký giao dịch bảo đảm	60.000 đồng/hồ sơ	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn	0 đồng	Đăng ký trực tuyến	

STT	Tên loại phí, lệ phí	Mức thu thông thường (Theo văn bản hiện hành)	Thủ tục hành chính áp dụng mức thu phí, lệ phí	Mức thu áp dụng ưu đãi	Đối tượng, điều kiện để được miễn, giảm phí, lệ phí	Cơ quan giải quyết
			liền với đất (1.011442)			
21	Phí đăng ký giao dịch bảo đảm	30.000 đồng/hồ sơ	Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (1.01144)	0 đồng	Đăng ký trực tuyến	
22	Phí đăng ký giao dịch bảo đảm	20.000 đồng/hồ sơ	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (1.011443)	0 đồng	Đăng ký trực tuyến	
23	Phí đăng ký giao dịch bảo đảm	80.000 đồng/hồ sơ	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất (1.001445)	0 đồng	Đăng ký trực tuyến	

STT	Tên loại phí, lệ phí	Mức thu thông thường (Theo văn bản hiện hành)	Thủ tục hành chính áp dụng mức thu phí, lệ phí	Mức thu áp dụng ưu đãi	Đối tượng, điều kiện để được miễn, giảm phí, lệ phí	Cơ quan giải quyết
IV	**Lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch**					
1	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	+ Cấp mới giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp: 1.000.000 đồng/giấy chứng nhận. + Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp: 500.000 đồng/giấy chứng nhận.	- Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp. Mã TTHC 1.002445 - Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao. Mã TTHC 1.002396 - Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận. Mã TTHC 1.003441 - Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh	0 đồng	Các doanh nghiệp kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp khi nộp hồ sơ cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp khi có yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	Sở VH,TT&DL

STT	Tên loại phí, lệ phí	Mức thu thông thường (Theo văn bản hiện hành)	Thủ tục hành chính áp dụng mức thu phí, lệ phí	Mức thu áp dụng ưu đãi	Đối tượng, điều kiện để được miễn, giảm phí, lệ phí	Cơ quan giải quyết
			doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng. Mã TTHC 1.000983 - Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo. Mã TTHC 1.001195 - Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao tổ đối với môn Karate. Mã TTHC 1.000904 - Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn. Mã TTHC 1.000883 - Cấp Giấy			

STT	Tên loại phí, lệ phí	Mức thu thông thường (Theo văn bản hiện hành)	Thủ tục hành chính áp dụng mức thu phí, lệ phí	Mức thu áp dụng ưu đãi	Đối tượng, điều kiện để được miễn, giảm phí, lệ phí	Cơ quan giải quyết
			chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Diều bay. Mã TTHC 1.000830 - Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo. Mã TTHC 1.000842 - Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân Sư Rồng. Mã TTHC 2.002188 - Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh. Mã TTHC 1.000560 - Cấp Giấy			

STT	Tên loại phí, lệ phí	Mức thu thông thường (Theo văn bản hiện hành)	Thủ tục hành chính áp dụng mức thu phí, lệ phí	Mức thu áp dụng ưu đãi	Đối tượng, điều kiện để được miễn, giảm phí, lệ phí	Cơ quan giải quyết
			chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam. Mã TTHC 1.000544 - Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin. Mã TTHC 1.000485 - Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao. Mã TTHC 1.001801 - Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu. Mã TTHC 1.005162 - Cấp giấy			

STT	Tên loại phí, lệ phí	Mức thu thông thường (Theo văn bản hiện hành)	Thủ tục hành chính áp dụng mức thu phí, lệ phí	Mức thu áp dụng ưu đãi	Đối tượng, điều kiện để được miễn, giảm phí, lệ phí	Cơ quan giải quyết
			chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao. Mã TTHC 1.001517 - Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao. Mã TTHC 1.001056 - Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí. Mã TTHC 1.005357 - Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển.			

STT	Tên loại phí, lệ phí	Mức thu thông thường (Theo văn bản hiện hành)	Thủ tục hành chính áp dụng mức thu phí, lệ phí	Mức thu áp dụng ưu đãi	Đối tượng, điều kiện để được miễn, giảm phí, lệ phí	Cơ quan giải quyết
			Mã TTHC 1.001213			

Ghi chú:

- Đối với phí đăng ký biện pháp bảo đảm (từ STT 7 đến STT 11), hiện nay Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh và các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Khu vực, đặc khu đang áp dụng mức thu phí không đồng theo Nghị quyết số 25/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc quy định mức thu phí không đồng trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi khi thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

- Các thủ tục : (1) Đăng ký lại khai sinh, (2) Đăng ký lại kết hôn, (3) Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, đều có chính sách ưu đãi lệ phí 0 đồng khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến theo Nghị quyết số 66.22/2026/NQ-CP của Chính phủ và Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND của Hội đồng Nhân dân tỉnh.